

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2024/HNGĐ-ST
Ngày 11/7/2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Quỳnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Xuân Tâm**

Bà Lê Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Thu** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Bích H** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 844/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Phương N**, sinh ngày 18/11/1994

Nơi đăng ký thường trú: 27 T, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Chỗ ở hiện nay: 3 T, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Trọng T**, sinh ngày 28/5/1982

Nơi đăng ký thường trú: 27 T, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trọng T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố N năm 2020.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên từ khoảng tháng 2 năm 2023 đến nay giữa bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông T không chung thủy, có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà đã cho ông T nhiều cơ hội, vợ chồng cũng đã ngồi lại nói chuyện

với nhau nhiều lần để hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả, Ngoài ra ông T còn chơi cờ bạc thua lỗ dẫn đến phải bán tài sản chung của hai vợ chồng để trả nợ. Bà đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông T không thay đổi. Do tình trạng mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trầm trọng, căng thẳng, cả hai không còn tiếng nói chung nên bà đã bế con về quê ngoại sinh sống, vợ chồng sống ly thân với nhau. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Tú A, sinh ngày 07/12/2022. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Nguyễn Trọng T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nợ chung, tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với ông T nhưng ông T không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Phương N và ông Nguyễn Trọng T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Phương N được ly hôn với ông Nguyễn Trọng T. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Tú A, sinh ngày 07/12/2022 cho bà Nguyễn Thị Phương N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Trọng T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không có nợ chung, tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Phương N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Trọng T cư trú tại thành phố N, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo điểm a khoản 1

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương N và ông Nguyễn Trọng T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14, ngày 05 tháng 3 năm 2020 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà N cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông T không hạnh phúc do ông T không chung thủy và chơi cờ bạc dẫn đến phá tán tài sản gia đình. Hai bên đã tự hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm không hàn gắn được nên đã sống ly thân. Bà N xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T nhiều lần để làm việc, tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ ông T có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình với bà N.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà N là có cơ sở, phù hợp khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Phương N và ông Nguyễn Trọng T có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Tú A, sinh ngày 07/12/2022. Xét thấy cháu Tú A chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc đặc biệt của người mẹ, hiện tại cháu Tú A đang sinh sống ổn định cùng bà N. Bà N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Tú A là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung về mọi mặt, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N về việc nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ông Nguyễn Trọng T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương N xác định vợ chồng không có nợ chung, tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương N được ly hôn ông Nguyễn Trọng T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Phương N và ông Nguyễn Trọng T có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Tú A, sinh ngày 07/12/2022. Giao con chung Nguyễn Ngọc Tú A cho bà Nguyễn Thị Phương N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Ông Nguyễn Trọng T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết, ông T và bà N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương N xác định không có nợ chung, tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0012160 ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP Nha Trang;
- Chi cục THADS TP Nha Trang;
- UBND phường P, TP Nha Trang (GCNKH số 14 ngày 05/3/2020)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quỳnh Trang